

Số: 02/2026/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung, mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ các thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục

xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; số 38/2025/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; số 39/2025/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số 272/TTr-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh; Báo cáo thẩm tra số 302/BC-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận, biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Quy định một số nội dung và mức chi hoạt động của các hội đồng, lấy ý kiến tổ chức tư vấn độc lập, chuyên gia tư vấn, bao gồm:

a) Hoạt động của Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học,

đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh quy định tại khoản 6 Điều 33 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

b) Hoạt động của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ thẩm định cấp giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 4 Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cấp giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.

c) Hoạt động của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên.

d) Hoạt động của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư.

đ) Hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển quy định tại Mục I Phụ lục kèm theo Thông tư số 08/2025/TT-BKHHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phân cấp trong thực hiện thủ tục chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chứng nhận cơ sở ~~ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.~~

e) Hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao quy định tại Mục II Phụ lục kèm theo Thông tư số 08/2025/TT-BKHHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phân cấp trong thực hiện thủ tục chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phê duyệt hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ quan quản lý hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Các hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này.

4. Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Các nội dung và mức chi khác không quy định tại Nghị quyết này được áp dụng theo quy định tại các thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: số 38/2025/TT-BKHHCN, số 39/2025/TT-BKHHCN và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan. Trong trường hợp các mức chi đã được văn bản chuyên ngành quy định thì ưu tiên áp dụng các mức chi quy định tại văn bản đó.

2. Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở thực hiện từ nguồn kinh phí được giao theo quy định tại tiểu mục a3 điểm a khoản 7 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được áp dụng mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở, các hội đồng cấp cơ sở được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi quy định tại Nghị quyết này.

3. Các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc nội dung triển khai của các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo các quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trong từng giai đoạn triển khai tại tỉnh Hà Tĩnh được áp dụng quy định tại Nghị quyết này và các quy định tài chính đặc thù (nếu có).

Chương II

QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ MỨC CHI QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 4. Một số nội dung chi cho quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi cho công tác quản lý, tìm kiếm nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát, đánh giá, đo lường kết quả, hiệu quả, tác động của chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện và khi kết thúc chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi

mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên các phương tiện truyền thông; bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập, tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tham vấn, lấy ý kiến, khảo sát trong nước.

2. Chi hoạt động quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: tổ chức đoàn khảo sát cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì trước khi xem xét phê duyệt nhiệm vụ; tổ chức đoàn kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thuê chuyên gia tư vấn độc lập, dịch vụ thuê ngoài phục vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ; phân tích, đánh giá, kiểm định chất lượng dây chuyền công nghệ, sản phẩm, máy móc, thiết bị.

3. Chi tổ chức hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi hoạt động của hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi cho tổ thẩm định kinh phí; tổ chuyên gia tư vấn; thuê tổ chức tư vấn độc lập có chức năng để đánh giá, xét duyệt, thẩm định kinh phí, kiểm tra giám sát; thù lao của thành viên ban chủ nhiệm chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 38/2025/TT-BKH-CN.

b) Chi hoạt động của hội đồng, lấy ý kiến tổ chức tư vấn độc lập, chuyên gia tư vấn.

Chi hoạt động của các hội đồng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này.

Chi cho Tổ thẩm định kinh phí, Tổ chuyên gia tư vấn, thuê tổ chức tư vấn độc lập có chức năng để đánh giá, xét duyệt, thẩm định kinh phí, kiểm tra giám sát; thuê tổ chức tư vấn độc lập, chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ, xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên; thuê chuyên gia tư vấn độc lập giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư.

4. Chi tổ chức xây dựng, tổ chức đánh giá kết quả, hiệu quả và tác động của chính sách, chiến lược, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của tỉnh, chi cho tổ chức đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại Điều 47, Điều 48, Điều 49 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập, tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tham vấn, lấy ý kiến, khảo sát trong nước.

Điều 5. Mức chi một số nội dung quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi hoạt động của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| TT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Mức chi |
|----|--|-------------------|---------|
| 1 | Chi Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển | | |
| a | Chi họp Hội đồng | Hội đồng | |
| | Chủ tịch Hội đồng | | 1.500 |
| | Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng | | 1.200 |
| | Thư ký khoa học | | 300 |
| | Thư ký hành chính | | 300 |
| | Đại biểu được mời tham dự | | 200 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét | |
| | Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng | | 600 |
| | Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện | | 800 |
| c | Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện | Nhiệm vụ | |
| | Chủ tịch Hội đồng | | 600 |
| | Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng | | 400 |

| TT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Mức chi |
|----|--|---|---------|
| 2 | Chi Hội đồng tư vấn: điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo | | |
| a | Chi hợp Hội đồng | Hội đồng | |
| | Chủ tịch Hội đồng | | 1.200 |
| | Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng | | 800 |
| | Thư ký khoa học | | 300 |
| | Thư ký hành chính | | 300 |
| | Đại biểu được mời tham dự | | 200 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét | |
| | Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng | | 400 |
| | Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện | | 560 |
| 3 | Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | | |
| a | Chi hợp Hội đồng | 01 nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả | |
| | Chủ tịch Hội đồng | | 1.500 |
| | Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng | | 1.200 |
| | Thư ký khoa học | | 300 |

| TT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Mức chi |
|----|---|-------------------|---|
| | Thư ký hành chính | | 300 |
| | Đại biểu được mời tham dự | | 200 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét | |
| | Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng | | 560 |
| | Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện | | 800 |
| 4 | Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược | | |
| a | Chi họp Hội đồng | Hội đồng | Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu |
| | Chủ tịch Hội đồng | Công | |
| | Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng | Công | |
| | Thư ký khoa học | Công | |
| | Thư ký hành chính | Công | |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét | |
| | Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng | | 800 |
| 5 | Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia | Chuyên gia | 1.200 |
| 6 | Chi Tổ chuyên gia: tư vấn lựa chọn đặt hàng, xác định mức trần kinh phí dự kiến hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với từng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tư vấn đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của | | |

| TT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Mức chi |
|----|---|-------------|---------|
| | nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá khả năng ứng dụng của đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả; tư vấn phục vụ hội đồng giám khảo Cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hà Tĩnh | | |
| | Tổ trưởng | | 1.200 |
| | Tổ phó | | 1.000 |
| | Thành viên, Thành viên kiêm Thư ký khoa học | | 1.000 |
| | Thư ký hành chính | | 300 |
| | Đại biểu được mời tham dự | | 200 |

b) Mức chi hoạt động của các hội đồng khác quy định tại Nghị quyết này áp dụng theo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

c) Các nội dung chi khác (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi tiền thù lao:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Mức chi |
|----|---------------------------|-------------|---------|
| 1 | Tổ trưởng tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 1.000 |
| 2 | Thành viên tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 700 |
| 3 | Thư ký hành chính | Nhiệm vụ | 300 |
| 4 | Đại biểu được mời tham dự | Nhiệm vụ | 200 |

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chi thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê

duyet, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Chi thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ, cuối kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Chi thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ được áp dụng tối đa bằng 40% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này.

b) Chi thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được áp dụng tối đa bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này.

5. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (nếu có) áp dụng mức chi như sau:

a) Người chủ trì hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 1.600.000 đồng/buổi.

b) Thư ký hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 500.000 đồng/buổi.

c) Báo cáo viên trình bày tại hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 3.000.000 đồng/báo cáo.

d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học: 1.500.000 đồng/báo cáo.

đ) Thành viên tham gia hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 200.000 đồng/thành viên/buổi.

6. Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra, đánh giá, khảo sát; chi tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt áp dụng theo quy định tại các thông tư của Bộ Tài chính: số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC; số 35/2026/TT-BTC quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước; số 140/2025/TT-BTC quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: số 70/2017/NQ-HĐND quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, số 156/2025/NQ-HĐND sửa đổi, bổ

sung một số điều của Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND và các văn bản khác có liên quan.

7. Chi tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của tỉnh được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 37/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 22 tháng 06 năm 2022 sửa đổi khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 109/2016/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.

b) Chi thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức tư vấn độc lập để xây dựng hoặc đánh giá chương trình, kế hoạch được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BNV.

8. Chi thuê tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn độc lập đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ; xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên; giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư áp dụng định mức lương theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV, trừ mức thù lao chi trả cho chuyên gia độc lập được quy định tại mục 5, 6 điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này. Các chi phí cần thiết khác để phục vụ hoạt động của tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo chế độ, mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

Chương III

QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ MỨC CHI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO; HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 6. Chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi thù lao cho các chức danh, nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với nội dung nghiên cứu quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định thành tháng tối đa không quá 56 triệu đồng/người/tháng; đối với các nhóm chức danh, chức danh khác (thành viên chính, thành viên, kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (không bao gồm lao động phổ thông), thư ký khoa học, mức chi thù lao tối đa bằng 0,8 lần mức chi của

chủ nhiệm nhiệm vụ và tối đa không vượt hệ số lao động khoa học của các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

2. Chi tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Áp dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị quyết này.

3. Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học

a) Người chủ trì hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 1.600.000 đồng/buổi.

b) Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 500.000 đồng/buổi.

c) Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 3.000.000 đồng/báo cáo.

d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học: 1.500.000 đồng/báo cáo.

đ) Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 200.000 đồng/thành viên/buổi.

4. Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Mức chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được áp dụng tối đa không quá 50% mức chi cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này.

Điều 7. Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm các chi phí liên quan đến tổ chức, giám sát triển khai thực hiện, chi phí hành chính để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tổ chức chủ trì.

2. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 350 triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 8. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ một số hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

1. Chi cho kết nối mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo (quốc gia, quốc tế):

a) Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Áp dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị quyết này.

b) Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia trong nước kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo áp dụng theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV

c) Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia nước ngoài kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình kết nối căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia, thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc.

2. Chi hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, bao gồm:

a) Hỗ trợ tối đa không quá 16 triệu đồng/năm đối với chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung.

b) Hỗ trợ tối đa không quá 5 triệu đồng/tháng đối với chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, trung tâm/không gian đổi mới sáng tạo. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm/doanh nghiệp kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng.

3. Chi tổ chức sự kiện ngày hội đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh; tổ chức trình diễn, giới thiệu các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng, chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện; tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo thuộc các đơn vị cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương, quốc gia, quốc tế.

a) Chi thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức sự kiện (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan): thực hiện theo các quy định pháp luật về chế độ và mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

b) Hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho

sự kiện: mức hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

c) Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: áp dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị quyết này.

d) Tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp tỉnh và cấp cơ sở (các ngành, lĩnh vực; các xã, phường).

d1) Căn cứ theo điều kiện cụ thể, các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch tổ chức và quy chế xét tặng giải thưởng cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp tỉnh và cấp cơ sở theo quy định tại Nghị định số 263/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn (nếu có).

d2) Nội dung và mức chi:

- Chi giải thưởng cho Cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp tỉnh theo các mức chi như sau: Giải nhất 40 triệu đồng/giải; giải nhì 30 triệu đồng/giải; giải ba 20 triệu đồng/giải; giải khuyến khích 08 triệu đồng/giải; giải tiềm năng: 05 triệu đồng/giải. Cơ cấu giải thưởng được quy định trong thể lệ hoặc quy chế xét tặng giải thưởng do cơ quan tổ chức ban hành và trong phạm vi dự toán kinh phí được duyệt, khả năng huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

- Chi thù lao đối với thành viên Ban Tổ chức và Tổ Thư ký trong thời gian tổ chức cuộc thi cấp tỉnh theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Ban Tổ chức: 300.000 đồng/người/tháng; Tổ Thư ký: 200.000 đồng/người/tháng.

- Chi thuê chuyên gia phân tích, đánh giá dự án dự: thi: tối đa không quá 1.200.000 đồng/dự án khởi nghiệp.

- Các nội dung và mức chi khác áp dụng quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng.

d3) Đối với chi giải thưởng cho Cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cấp cơ sở áp dụng mức chi tối đa bằng 50% mức chi cho Cuộc thi cấp tỉnh.

4. Chi hoạt động thúc đẩy, phát triển thị trường khoa học và công nghệ

a) Chi tổ chức sự kiện xúc tiến chuyển giao công nghệ, giao dịch, kết nối thị trường (thuê địa điểm, truyền thông, hỗ trợ trưng bày, giới thiệu công nghệ, chi phí đi lại, vận chuyển) thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ, mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong

phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi tổ chức khóa học, hội thảo chuyên đề, đào tạo về định giá, giám định, môi giới chuyển giao công nghệ: áp dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị quyết này.

c) Chi điều tra, khảo sát, thu thập và xử lý số liệu: áp dụng theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 37/2022/TT-BTC (đối với điều tra, khảo sát) và Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Nghị quyết số 156/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND (đối với chi công tác phí, hội nghị).



Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Nguồn kinh phí

Kinh phí bảo đảm lập dự toán thực hiện chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ; quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Hà Tĩnh được chi từ nguồn chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc ngân sách tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với dự toán của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, giao dự toán kinh phí hoặc đã ký hợp đồng; các hoạt động quản lý của cơ quan quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định về quản lý tài chính có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt, ký hợp đồng, thực hiện.

2. Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa được giao dự toán hoặc chưa ký hợp đồng, các hoạt động quản lý của cơ quan quản lý khoa học công nghệ chưa thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được phép điều chỉnh dự toán kinh phí và áp dụng theo các mức chi quy định tại Nghị quyết này.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2026.
2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 104/2023/NQ-HĐND ngày 14

tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về mức chi ngân sách nhà nước cho một số hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

3. Trong trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khoá XIX, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 14 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Hà Tĩnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ₂, TH₂.

[Handwritten signature]

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh